TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 231/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 04 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 123/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Văn H, sinh năm 1997; căn cước công dân số: 046097014952, cấp ngày 28/9/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Kiệt X, tổ dân phố C, phường M, thành phố Huế.

- Chị Phan Thị T, sinh năm 1998; căn cước công dân số: 046198011872, cấp ngày 11/8/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Kiệt X, tổ dân phố C, phường M, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn H và chị Phan Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 19/3/2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường M, thành phố Huế) trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh H và chị T chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống không còn hợp nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh H và chị T đã sống ly thân từ năm 2025. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh H và chị T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh H và chị T.

[2] Về con chung: Anh H và chị T xác nhận có 02 con chung là Lê Văn Anh Q, sinh ngày 08/9/2020 và Lê Phan Tuệ M, sinh ngày 16/02/2024.

Anh H và chị T thỏa thuận: Giao con chung Lê Văn Anh Q cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao con chung Lê Phan Tuệ M cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh H và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con đối với người con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh H và chị T trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn H và chị Phan Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lê Văn H và chị Phan Thị T xác nhận có 02 con chung là Lê Văn Anh Q, sinh ngày 08/9/2020 và con Lê Phan Tuệ M, sinh ngày 16/02/2024.

Giao con chung Lê Văn Anh Q cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao con chung Lê Phan Tuệ M cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh H và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con đối với người con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh H và chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ về tài sản: Anh H và chị T xác nhận không vay nợ ai, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn H và chị Phan Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000640 ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh H và chị T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường Mỹ Thượng;
(*ĐKKH số 29 ngày 19/3/2020 Tại UBND xã Phú Thượng cũ);*
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hạnh